

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2010

TÊN ĐƠN VỊ: TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

ĐỊA CHỈ: 68 Nguyễn Trung Trực - KP 9 - Bến Lức - Long An

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. min	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGÂN HẠN	100		877,591,570,884	595,078,552,369
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	29,210,977,883	69,597,111,374
1. Tiền	111		29,210,977,883	56,370,831,867
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13,226,279,507
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5.2	428,517,279,778	233,416,696,839
1. Phải thu khách hàng	131		310,829,092,365	144,899,894,605
2. Trả trước cho người bán	132		81,070,511,611	73,233,460,817
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		37,823,321,618	16,442,517,670
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,205,645,816)	(1,159,176,253)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	376,739,293,583	254,297,292,724
1. Hàng tồn kho	141		376,739,293,583	254,297,292,724
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		43,124,019,640	37,767,451,432
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	14,408,981,007	11,313,214,420
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18,104,218,646	16,848,302,608
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	2,528,618,040	188,038,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	8,082,201,947	9,417,896,404

(Phần tiếp theo trang 02)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. min	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		768,206,587,553	644,146,211,756
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		614,349,729,681	501,107,062,594
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	231,939,698,274	243,765,410,628
+ Nguyên giá	222		296,669,804,433	307,745,807,654
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64,730,106,159)	(63,980,397,026)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	47,778,833,039	26,219,920,042
+ Nguyên giá	228		48,172,549,720	26,533,386,720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(393,716,681)	(313,466,678)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	334,631,198,368	231,121,731,924
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	5.10	132,116,664,081	132,718,205,893
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132,116,664,081	131,818,205,893
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	900,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	260		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	270		21,740,193,791	10,320,943,269
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	7,255,738,904	3,014,452,346
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	5.12	10,740,454,887	7,206,490,923
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	3,744,000,000	100,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1,645,798,158,437	1,239,224,764,125

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã	Th.	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,058,007,555,569	675,321,008,365
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		784,491,137,507	346,036,613,690
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	428,205,597,852	110,759,325,800
2. Phải trả người bán	312	5.15	175,954,509,408	100,200,078,010
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	5,947,681,419	634,337,946
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	27,768,532,489	45,355,519,206
5. Phải trả người lao động	315		5,965,983,264	7,160,283,406
6. Chi phí phải trả	316	5.17	56,199,386,615	33,879,060,253
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	72,249,674,626	35,830,852,700
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12,199,771,834	12,217,156,369
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		273,516,418,062	329,284,394,675
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	4,565,005,892	4,320,450,987
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	233,888,829,673	279,212,649,038
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.21	56,663,854	141,201,757
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		48,028,900	208,705,150
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	34,957,889,743	45,401,387,743
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		574,055,523,803	550,291,931,666
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	5.24	574,055,523,803	550,291,931,666
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.24	295,807,110,000	295,807,110,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.24	102,592,150,000	102,592,150,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	5.24	(7,500,000,000)	(7,500,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.24	43,617,654	5,091,998
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.24	14,364,348,663	13,673,710,430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.24	12,618,211,299	12,065,700,713
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.24	1,746,137,364	1,608,009,717
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.24	154,383,948,823	132,040,158,808
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ	500	5.25	13,735,079,065	13,611,824,094
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,645,798,158,437	1,239,224,764,125

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th.	
	minh	Số cuối năm Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		- -
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		- -
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		- -
4. Nợ khó đòi đã xử lý		- -
5. Ngoại tệ các loại		282,127.53 2,393,502.34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		- -

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	M ã T	Quý III		Lấy kê từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		346,127,774,856	246,350,810,792	898,132,123,426	672,834,102,828
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5,192,212,223	8,736,942	6,932,876,023	1,258,571,571
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	340,935,562,633	246,342,073,850	891,199,247,403	671,575,531,257
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	295,099,933,609	190,511,457,345	759,864,610,730	551,439,886,552
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45,835,629,024	55,830,616,505	131,334,636,673	120,135,644,705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1,576,718,540	1,895,110,118	5,208,349,337	2,479,450,802
7. Chi phí tài chính	22	6.4	7,795,124,525	5,797,517,016	31,047,495,581	13,521,713,247
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,698,420,370	5,797,517,016	19,793,039,557	13,521,713,247
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	14,599,770,998	1,151,657,585	24,588,039,727	2,638,060,774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	14,524,388,978	11,966,889,584	42,451,657,179	31,702,169,886
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,493,063,063	38,809,662,438	38,455,793,523	74,753,151,600
11. Thu nhập khác	31	6.7	932,328,836	9,646,954,154	65,550,819,083	12,185,301,441
12. Chi phí khác	32	6.8	614,281,029	7,899,580,906	47,906,191,851	10,383,003,790
13. Lợi nhuận khác	40		318,047,807	1,747,373,248	17,644,627,232	1,802,297,651
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	66,586	(1,541,811)	(19,118,602)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		10,811,110,870	40,557,102,271	56,098,878,944	76,536,330,649
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		905,999,073	8,151,702,279	20,174,219,680	17,310,518,060
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(31,182,032)	148,118,054	(3,618,501,867)	123,107,968
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9,936,293,829	32,257,281,938	39,543,161,131	59,102,704,621
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			(31,439,247)	-	(315,247,701)	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			9,967,733,076	32,257,281,938	39,858,408,832	59,102,704,621
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		339	1,127	1,354	2,065

Long An, ngày 20 tháng 10 năm 2010

Nguyễn Thị Trúc



Nguyễn Thị Trúc
Kế toán trưởng

Phạm Phúc Toại
Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	số Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	56,098,878,944	76,536,330,649
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	20,810,571,049	28,468,618,496
Các khoản dự phòng	03	46,469,563	1,418,552,525
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	38,525,656	(246,910,778)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	100,700,896,861	(2,194,336,867)
Chi phí lãi vay	06	19,870,060,718	11,701,607,109
Điều chỉnh khác			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	197,565,402,791	115,683,861,134
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(202,848,291,901)	(72,047,011,912)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(122,442,000,859)	(37,469,640,030)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	119,162,265,728	17,394,164,961
Tăng giảm chi phí trả trước	12	-	(1,462,775,848)
Tiền lãi vay đã trả	13	(18,377,768,339)	(10,308,914,838)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29,847,513,131)	(7,741,260,727)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	(8,329,930,909)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1,275,406,028)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(58,063,311,739)	(4,281,508,168)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(184,903,929,269)	(177,139,101,450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(57,450,379,361)	10,373,160,174
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(31,028,896,400)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	(4,363,815,100)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,344,671,191	85,518,182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(240,009,637,439)	(202,073,134,594)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

7

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 03 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 295.807.110.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 08 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- Sản lắp đặt băng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cử trầm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cương, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cương, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Số 154D, đường 134, P.Veal Vong, Quận 7 Makara, TP.Pnompenh Campuchia	55%	79,96%

1.3.2. Công ty con gián tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty CP Thanh Mỹ	469 Đinh Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	60%	49,89%

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán này, cụ thể như sau :

Bảng cân đối kế toán :

	Đầu kỳ (Phân loại lại)	Đầu kỳ (Đã được trình bày trước đây)
Người mua ứng tiền trước	634.337.946	46.035.725.689
Doanh thu chưa thực hiện	45.401.387.743	-
Cộng	46.035.725.689	46.035.725.689

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt	1.876.257.320	492.547.259
Tiền gửi ngân hàng	27.334.720.563	55.878.284.608
Các khoản tương đương tiền	-	13.226.279.507
Tổng cộng	29.210.977.883	69.597.111.374

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu khách hàng	310.829.092.365	144.899.894.605
Trả trước cho người bán	81.070.511.611	73.233.460.817
Các khoản phải thu khác	37.823.321.618	16.442.517.670
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	429.722.925.594	234.575.873.092
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.205.645.816)	(1.159.176.253)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	428.517.279.778	233.416.696.839

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu về hoạt động thương mại	227.449.596.202	68.024.573.828
Phải thu hoạt động thi công	-	23.452.648.632
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	81.541.214.617	53.422.672.145
Phải thu hoạt động taxi	1.838.281.546	-
Cộng	310.829.092.365	144.899.894.605

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Trả trước về mua sắm và xây dựng cơ bản tài sản cố định	68.059.652.620	30.670.263.781
Trả trước hoạt động thi công	7.745.253.923	-
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	2.473.450.000	39.331.331.623
Khác	2.792.155.068	3.231.865.413
Cộng	81.070.511.611	73.233.460.817

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu nội bộ	2.641.226.728	-
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho nhân viên	12.600.000.000	11.132.700.000
Phải thu tiền cho vay	5.649.823.263	-
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.239.780.237	1.318.344.000
Khác	15.692.491.390	3.991.473.670
Cộng	37.823.321.618	16.442.517.670

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	40.053.941.046	6.666.028.940
Công cụ, dụng cụ	3.527.168.715	1.408.349.814
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	180.349.616.305	128.859.054.429
Thành phẩm	117.013.725.368	39.489.101.358
Hàng hóa	35.793.420.020	77.869.481.254
Hàng gửi bán	1.422.129	5.276.929
Cộng giá gốc hàng tồn kho	376.739.293.583	254.297.292.724
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	376.739.293.583	254.297.292.724

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thi công kho lạnh Hoàng Long Long Cang	8.636.363.636	8.881.818.181
Chi phí sửa chữa	207.241.455	518.937.673
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.341.744.136	119.632.925
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	960.038.195	1.549.918.705
Lãi vay kho lạnh	2.512.172.184	-
Khác	751.421.401	242.906.936
Tổng cộng	14.408.981.007	11.313.214.420

5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế TNDN nộp thừa	663.367.578	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	1.863.750.462	186.538.000
Khác	1.500.000	1.500.000
Tổng cộng	2.528.618.040	188.038.000

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tài sản thiếu chờ xử lý	10.175	-
Tạm ứng	5.276.785.843	2.434.096.229
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.805.405.929	6.983.800.175
Tổng cộng	8.082.201.947	9.417.896.404

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	26.934.633.120	24.707.241.469	251.412.070.709	3.594.019.712	1.097.842.644	307.745.807.654
Mua trong kỳ	1.823.834.800	39.759.478.535	13.424.661.632	611.470.051	850.603.063	56.470.048.081
Giảm khác	-	-	(401.972.633)	-	-	(401.972.633)
Thanh lý	-	(3.553.790.880)	(63.547.558.300)	(42.729.489)	-	(67.144.078.669)
Phân loại TSCĐ	-	(98.190.480)	-	98.190.480	-	-
Số dư cuối kỳ	28.758.467.920	60.814.738.644	200.887.201.408	4.260.950.754	1.948.445.707	296.669.804.433
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2.259.779.843	6.256.333.985	52.961.661.557	2.107.830.708	394.790.933	63.980.397.026
Khấu hao trong kỳ	1.202.710.869	2.968.393.699	18.118.941.905	652.679.649	192.725.288	23.135.451.410
Tăng khác	-	2.944.220	241.589.464	-	-	244.533.684
Giảm khác	-	(241.176.515)	(1.753.444)	-	-	(242.929.959)
Thanh lý	-	(2.372.136.296)	(19.980.611.913)	(34.597.793)	-	(22.387.346.002)
Phân loại TSCĐ	-	(20.989.714)	-	20.989.714	-	-
Số dư cuối kỳ	3.462.490.712	6.593.369.379	51.339.827.569	2.746.902.278	587.516.221	64.730.106.159
Tại ngày đầu kỳ	24.674.853.277	18.450.907.484	198.450.409.152	1.486.189.004	703.051.711	243.765.410.628
Tại ngày cuối kỳ	25.295.977.208	54.221.369.265	149.547.373.839	1.514.048.476	1.360.929.486	231.939.698.274

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thể chấp là 72.245.637.574 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.777.389.397 đồng

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	26.523.086.720	10.300.000	26.533.386.720
Tăng trong kỳ	21.639.163.000	-	21.639.163.000
Số dư cuối kỳ	48.162.249.720	10.300.000	48.172.549.720
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	303.166.678	10.300.000	313.466.678
Khấu hao trong kỳ	80.250.003	-	80.250.003
Số dư cuối kỳ	383.416.681	10.300.000	393.716.681
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	26.219.920.042	-	26.219.920.042
Tại ngày cuối kỳ	47.778.833.039	-	47.778.833.039

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Mua sắm tài sản cố định	92.582.513.405	95.774.715.231
Chi phí xây dựng nhà máy nước ngầm	264.345.000	249.178.333
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.619.233.443	1.078.324.352
Mạng lưới cung cấp nước sạch khu dân cư thị trấn Bến Lức	-	545.964.200
Chi phí đầu tư mua sắm mới xe taxi	-	9.716.612.384
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	226.052.873.527	114.010.444.507
Công trình khu tái định cư phân bón Bình Điền	206.680.860	-
Chi phí xây dựng nhà xưởng sản xuất nước đá	10.826.512.133	9.667.452.917
Phí bảo hộ sản phẩm chế biến	79.040.000	79.040.000
Tổng cộng	334.631.198.368	231.121.731.924

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Đầu tư vào công ty liên kết	132.116.664.081	131.818.205.893
Đầu tư dài hạn khác	-	900.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	132.116.664.081	132.718.205.893
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	132.116.664.081	132.718.205.893

Danh sách các công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/09/2010	Tỷ lệ vốn góp theo giấy phép kinh doanh
+ Cty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	Liên kết	132.116.664.081	30%

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chi phí lắp đặt thiết bị văn phòng	94.848.206	223.170.985
Chi phí CCDC chờ phân bổ	539.966.755	362.227.520
Chi phí thuê hoạt động TSCĐ	5.216.384.037	-
Chi phí sửa chữa lớn	-	693.224.467
Chi phí san lấp mặt bằng máy nước	64.781.250	103.650.000
Thiết bị, phụ tùng xe ô tô	352.057.958	128.839.948
Chi phí sửa chữa xe thi công	10.824.165	1.503.339.426
Khác	976.876.533	-
Tổng cộng	7.255.738.904	3.014.452.346

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12 Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.222.016.169	2.867.096.176
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	7.139.034.378	3.630.074.217
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	379.404.340	709.320.530
Tổng cộng	10.740.454.887	7.206.490.923

5.13 Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Ký quỹ thuê kho theo HĐ số 02/TMB08 ngày 10/10/2008 với công ty Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Ký quỹ mua MMTB theo hợp đồng ký với Công ty Chia Tung (tương đương 190.000 USD)	3.629.000.000	-
Đặt cọc khác	15.000.000	-
Tổng cộng	3.744.000.000	100.000.000

5.14 Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay ngân hàng - VNĐ	112.500.000.000	110.759.325.800
Vay ngân hàng – USD	315.705.597.852	-
Tổng cộng	428.205.597.852	110.759.325.800

Vay ngân hàng với lãi suất từ 12%/năm đến 14,7%/năm đối với VNĐ, 6,3%/năm đến 7%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau :

- 16.168.760 cổ phiếu Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long với giá thị trường là 20.000đ/CP.
- Công trình nhà máy khai thác nước ngầm.
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng trị giá 38.000.000.000 đồng.
- Hàng tồn kho đông lạnh.
- Máy móc thiết bị trị giá 93.216.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 08101001/HĐTC ngày 3/3/2008 và số 0916.0595/HĐTC ngày 2/3/2009.
- Quyền sử dụng 13.892 m² đất theo Giấy chứng nhận QSD đất số AH 159389 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 31/12/2008.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 281-283 An Dương Vương.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Quyền sử dụng đất tại thửa 2818, xã Long Cang, Huyện Cần Đước, tỉnh Long An
- Quyền sử dụng đất tại Bến Lức tỉnh Long An với giá trị là 55.220.000.000 đồng theo Biên bản thẩm định ngày 2/2/2010.

5.15 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả người bán	175.954.509.408	100.200.078.010
Người mua trả tiền trước	5.947.681.419	634.337.946
Tổng cộng	181.902.190.827	100.834.415.956

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	7.258.000.000	6.817.580.000
Phải trả tiền sửa chữa tòa nhà văn phòng	-	649.930.493
Phải trả tiền mua nguyên liệu thuốc lá	43.026.288.341	54.554.259.641
Phải trả tiền mua cát	3.386.099.389	2.363.590.243
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	102.779.444.753	1.635.986.062
Phải trả về hoạt động thi công	12.386.995.070	26.980.127.374
Khác	1.410.269.855	1.491.192.197
Cộng	175.954.509.408	100.200.078.010

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	2.688.272.541	-
Khác	3.259.408.878	634.337.946
Cộng	5.947.681.419	634.337.946

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế GTGT hàng nội địa	1.523.588.071	9.265.641.951
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
Thuế TNDN	25.742.761.784	35.887.997.332
Thuế TCNC	493.714.523	135.115.380
Thuế tài nguyên	8.468.111	17.279.721
Các khoản phí, lệ phí	-	49.484.822
Tổng cộng	27.768.532.489	45.355.519.206

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.17 Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	28.556.137.510	14.520.296.868
Trích trước chi phí cho công trình Thuận Đạo	2.563.200.000	-
Trích trước chi phí cho công trình Phong Đức	491.249.850	-
Trích trước chi phí lãi vay	1.538.747.777	594.972.878
Trích trước chi phí thuê ao	841.212.627	-
Khác	3.695.048.344	250.000.000
Tổng cộng	56.199.386.615	33.879.060.253

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.299.800
Kinh phí công đoàn	325.259.336	201.802.610
BHXH, BHYT, BHTN	766.930.383	409.327.830
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy	26.405.443.935	30.563.443.935
Phải trả lãi vay NH TM CP PGB	1.225.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.000.000	45.000.000
Quỹ hỗ trợ tai nạn lái xe	19.348.731	-
Phải trả khoản thu hồi tiền bồi thường bảo hiểm tai nạn	495.466.024	-
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	8.140.160.240	-
Phải trả Cty TNHH TM Hoàng Long	18.750.000.000	-
Phải trả tiền thuê chân vô binh	160.413.700	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.938.652.277	4.609.978.525
Tổng cộng	72.249.674.626	35.830.852.700

5.19 Phải trả dài hạn khác

Đây là khoản nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20 Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay ngân hàng	232.538.475.673	277.574.759.038
Vay cá nhân	1.350.354.000	1.637.890.000
Tổng cộng	233.888.829.673	279.212.649.038

Vay ngân hàng với lãi suất là 10,5 %/năm đến 14%/năm.. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm :

- Máy móc thiết bị trị giá 74.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA ngày 30/12/2009.
- Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long hình thành trong tương lai.
- Ô tô kinh doanh taxi hình thành từ vốn vay.

5.21 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho	56.663.854	141.201.757

5.22 Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản	34.957.889.743	45.401.387.743

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23 Vốn chủ sở hữu

5.23.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ năm trước	287.687.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	-	21.160.495.416	79.483.854.403	483.423.609.819
Tăng vốn	8.120.000.000	-	-	-	-	-	8.120.000.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	79.324.417.670	79.324.417.670
Trích quỹ	-	-	-	-	6.186.925.444	(12.373.850.887)	(6.186.925.443)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(14.350.062.000)	(14.350.062.000)
CL tỷ giá	-	-	-	5.091.998	-	-	5.091.998
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	(44.200.378)	(44.200.378)
Số dư đầu kỳ này	295.807.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	5.091.998	27.347.420.860	132.040.158.808	550.291.931.666
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	39.858.408.832	39.858.408.832
CL tỷ giá	-	-	-	38.525.656	-	-	38.525.656
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	(228.748.338)	(228.748.338)
Trích quỹ	-	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.930)	(1.381.276.464)
Chi khác	-	-	-	-	-	(87.680.549)	(87.680.549)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(14.435.637.000)	(14.435.637.000)
Số dư cuối kỳ này	295.807.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	43.617.654	28.728.697.326	154.383.948.823	574.055.523.803

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	295.807.110.000	295.807.110.000
Tổng cộng	295.807.110.000	295.807.110.000

5.23.3 Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Chia cổ tức năm trước	14.435.637.000	-
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	14.350.062.000
Cộng	14.435.637.000	14.350.062.000

5.23.4 Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	29.580.711	29.580.711
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	29.580.711	29.580.711
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	29.430.711	29.430.711

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.23.5 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	39.858.408.832	26.845.422.683
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	29.430.711	28.618.711
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.354	938

5.24 Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu kỳ	13.611.824.094	-
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	200.000.000	13.673.615.585
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(76.745.029)	(61.791.491)
Số dư cuối kỳ	13.735.079.065	13.611.824.094

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	347.297.130.380	271.646.696.893
Doanh thu hoạt động thi công	111.316.206.494	4.075.021.348
Doanh thu kinh doanh bất động sản	91.996.152.600	49.456.799.998
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.406.787.751	57.183.852.883
Doanh thu cung cấp nước	3.160.731.922	1.235.380.991
Doanh thu taxi	77.774.829.984	42.751.904.081
Doanh thu cung cấp nước uống, đá viên	7.448.023.807	-
Doanh thu chế biến thủy sản	253.055.614.299	-
Doanh thu khác	2.676.646.189	133.635.842
Hàng bán bị trả lại	(6.932.876.023)	(1.249.834.629)
Doanh thu thuần	891.199.247.403	425.233.457.407

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	348.761.853.337	270.901.899.098
Giá vốn hoạt động thi công	86.883.860.652	3.138.228.106
Giá vốn hoạt động bất động sản	34.845.342.277	17.195.621.473
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.453.121.799	33.677.098.754
Giá vốn cung cấp nước	2.802.125.680	33.113.455.516
Giá vốn hoạt động taxi	60.855.346.379	1.223.599.266
Giá vốn cung cấp nước uống, đá viên	4.496.708.787	-
Giá vốn chế biến thủy sản	218.766.251.819	-
Giá vốn hoạt động khác	-	223.190.469
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.455.336.525
Tổng cộng	759.864.610.730	360.928.429.207

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.344.671.191	199.807.439
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.516.625.277	315.360.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	346.941.139	68.335.200
Khác	111.730	838.045
Tổng cộng	5.208.349.337	584.340.684

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	19.870.060.718	7.555.599.919
Chi phí chiết khấu thanh toán	3.707.653.445	112.513.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.386.900.508	56.082.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.913.068.931	-
Khác	169.811.979	-
Tổng cộng	31.047.495.581	7.724.196.231

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	2.666.898.301	189.674.306
Chi phí vật liệu, bao bì	3.751.856.004	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	356.098.121	54.589.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	400.953.254	125.011.632
Chi phí vé cầu đường	81.206.911	-
Chi phí hoa hồng, bến bãi	1.685.436.915	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.304.315.952	716.432.777
Chi phí bằng tiền khác	6.341.274.269	400.694.524
Tổng cộng	24.588.039.727	1.486.403.189

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	22.726.943.077	11.215.245.528
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.875.176.692	1.051.907.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.508.019.592	2.350.547.277
Thuế, phí và lệ phí	605.760.372	231.960.479
Chi phí dự phòng	46.469.563	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.263.259.807	2.509.727.575
Chi phí bằng tiền khác	8.426.028.076	2.375.891.595
Tổng cộng	42.451.657.179	19.735.280.302

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền phí do đặc	53.526.962	265.849.010
Thu thanh lý tài sản cố định	57.450.379.361	642.696.924
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	6.452.694.605	1.363.636.364
Thu nhập khác	1.594.218.155	266.164.989
Tổng cộng	65.550.819.083	2.538.347.287

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí vật tư, phụ tùng	602.149.847	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	43.798.738.400	1.314.700.037
Chi phí CCDC phân bổ	769.881.958	-
Chi phí khác	2.735.421.646	1.168.722.847
Tổng cộng	47.906.191.851	2.483.422.884

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí thuế hoãn lại do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim 2	1.419.679.972	25%	(354.919.993)
Chi phí thuế hoãn lại do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	14.035.840.644	25%	(3.508.960.161)
Chi phí thuế hoãn lại từ việc hoãn nhập CL tỷ giá do đánh giá cuối kỳ của năm trước	1.434.151.188	25%	358.537.797
Chi phí thuế hoãn lại từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của kỳ này	452.638.040	25%	(113.159.510)
Tổng cộng	17.342.309.844		(3.618.501.867)

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Trong kỳ, Công ty đã thực hiện giải thể công ty con – Công ty CP Rượu Bia Labeco vào tháng 4/2010.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu Ông Phạm Hoàng Long	12.600.000.000	11.132.700.000
Phải trả - xem thêm mục (5.19)	26.405.443.935	30.563.443.935

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	2.927.089.773	1.935.704.496

- Thủ lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	619.384.266	904.345.217

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 10 năm 2010.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM PHÚC TOẠI